

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ LAO
ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
Số: 21/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 1993

THÔNG TƯ

LIÊN BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - TÀI CHÍNH

*Thi hành Nghị định 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ
tiền lương mới trong doanh nghiệp, Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài
chính hướng dẫn thực hiện xếp hạng doanh nghiệp*

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Mục đích yêu cầu của việc xếp hạng doanh nghiệp là:

- Xếp lương chức vụ đối với viên chức quản lý doanh nghiệp;
- Xác định mức phụ cấp chức vụ đối với viên chức giữ chức vụ trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương trở xuống.
- Bố trí, sử dụng hợp lý viên chức chuyên môn, nghiệp vụ trên cơ sở bảng lương quy định của Nhà nước.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Các doanh nghiệp, đơn vị được cấp có thẩm quyền của Nhà nước quyết định thành lập và được cấp giấy phép hoạt động hoặc tạm thời hoạt động, gồm:

- Doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 về việc ban hành quy chế thành lập và giải thể doanh nghiệp Nhà nước.
- Đơn vị sự nghiệp kinh tế hoạt động theo cơ chế hạch toán kinh tế.
- Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

III. NGUYÊN TẮC XẾP HẠNG

1. Việc xếp hạng của doanh nghiệp được xác định theo 2 nhóm chỉ tiêu: Mức độ phức tạp quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh không phân biệt vị trí ngành kinh tế - kỹ thuật, loại hình sản xuất kinh doanh và cấp tổ chức.
2. Hạng của doanh nghiệp gồm một hạng đặc biệt và 4 hạng đánh số thứ tự từ I đến IV. Trong cùng một Bộ, ngành, địa phương không nhất thiết phải có đủ các hạng doanh nghiệp.
3. Doanh nghiệp xếp hạng đặc biệt không phải xây dựng chỉ tiêu xếp hạng. Bộ chủ quản đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.
4. Doanh nghiệp xếp hạng I, Bộ chủ quản đề nghị, sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định.
5. Các doanh nghiệp còn lại (từ hạng II trở xuống), do Bộ, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, nếu cần thiết phải xếp hạng sẽ do Bộ chủ quản hướng dẫn, được vận dụng hạng của doanh nghiệp từ hạng 2 trở xuống và phải thấp hơn hạng của doanh nghiệp được xếp hạng. 6. Thời hạn để xem xét thay đổi hạng doanh nghiệp là 3 năm, việc phân cấp xem xét giải quyết theo quy định tại điểm 3, 4, 5 nêu trên.

IV. CHỈ TIÊU XẾP HẠNG

Chỉ tiêu xếp hạng (hạng I đến hạng IV) và tỷ trọng điểm của từng nhóm chỉ tiêu được quy định như sau:

1. Độ phức tạp quản lý chiếm 40%-45% tổng số điểm, trong đó gồm các chỉ tiêu cụ thể:
 - a. Vốn sản xuất kinh doanh: Chỉ tiêu này phải bảo đảm trọng điểm ít nhất là 20% tổng số điểm, được xác định theo 2 tiêu thức:
 - Tổng số vốn được giao tính đến 31/12/1992, là số vốn hiện có thuộc nguồn ngân sách cấp và nguồn tự bổ sung. Trường hợp doanh nghiệp chưa được Nhà nước giao vốn thì lấy theo số liệu quyết toán được duyệt của năm 1992.
 - Tỷ trọng vốn tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh.
 - b. Trình độ công nghệ sản xuất được đánh giá theo 3 mức: Thủ công, cơ khí, nửa tự động; đối với kinh doanh là chủng loại mặt hàng kinh doanh.

c. Phạm vi hoạt động được chia thành 3 mức:

- Hẹp (hoạt động trong tỉnh, vùng).
- Trung bình (hoạt động trong cả nước).
- Rộng (hoạt động trong nước và nước ngoài).

Hoặc xem xét chỉ tiêu về đầu mỗi quản lý trên cơ sở số các đơn vị trực thuộc nhiều hay ít.

d. Số lượng lao động tính theo số lao động thường xuyên trong danh sách trả lương cả doanh nghiệp (trừ lao động hợp đồng theo vụ, việc).

2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh, chiếm từ 55%-60% tổng số điểm, trong đó gồm các chỉ tiêu cụ thể:

a. Doanh nghiệp thực hiện: Bao gồm doanh thu về tiêu thụ sản phẩm, kinh doanh dịch vụ chính và phụ tính theo đồng tiền Việt Nam như doanh thu quy định tại Luật thuế doanh thu và Nghị định số 351/HĐBT ngày 2/10/1990 quy định chi tiết thi hành Luật thuế doanh thu.

b. Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước: Chỉ tiêu này phải bảo đảm tỷ trọng ít nhất là 20% tổng số điểm gồm: Các khoản nộp ngân sách (các loại thuế khấu hao cơ bản, các khoản nộp khác theo quy định của Nhà nước).

c. Lợi nhuận thực hiện: Là lợi nhuận thu được của doanh nghiệp sau khi hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước (chưa kể thuế lợi tức).

d. Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn giao.

Các chỉ tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh lấy theo số liệu đã được quyết toán của năm báo cáo và thực hiện của năm kế hoạch, tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng doanh nghiệp, có tham khảo kết quả thực hiện của 2 năm trước đó.

Trước mắt trong năm 1993, lấy theo số liệu quyết toán của năm 1992 và thực hiện kế hoạch 1993 đến thời điểm xếp hạng doanh nghiệp, có đối chiếu tham khảo tình hình thực hiện các năm 1990, 1991.

Căn cứ vào 2 nhóm chỉ tiêu nêu trên, các Bộ, ngành quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn xếp hạng đối với ngành kinh tế - kỹ thuật, để áp dụng thống nhất trong cả nước, và tùy theo điều kiện cụ thể có thể thay đổi một vài chỉ tiêu cho hợp.

V. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH XÂY DỰNG

TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG

1. Phân loại và lựa chọn các chỉ tiêu

- Bộ, ngành tiến hành thống kê, phân loại doanh nghiệp thuộc quyền quản lý theo ngành kinh tế - kỹ thuật.
- Trên cơ sở chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lựa chọn các chỉ tiêu phù hợp với doanh nghiệp theo ngành kinh tế - kỹ thuật để xây dựng tiêu chuẩn xếp hạng.

Ví dụ: Ngành Cơ khí chọn các chỉ tiêu:

- Vốn;
- Trình độ công nghệ sản xuất;
- Đầu mối quản lý.

Ngành thương mại chọn các chỉ tiêu:

- Vốn;
- Chung loại mặt hàng kinh doanh;
- Phạm vi hoạt động;
- Thống kê số liệu thực hiện ứng với các chỉ tiêu dùng xếp hạng doanh nghiệp.

2. Xác định tỷ trọng điểm và điểm của từng chỉ tiêu.

- Việc xác định tỷ trọng điểm và số điểm của từng chỉ tiêu do Bộ, ngành chủ quản quy định phù hợp với đặc điểm của ngành kinh tế - kỹ thuật, bảo đảm tương quan hợp lý trong xếp hạng doanh nghiệp.
- Tổng số điểm tối đa của 2 nhóm chỉ tiêu được quy định là 100 điểm.
- Đối với các chỉ tiêu cần chia ra nhiều mức (thí dụ như chỉ tiêu trình độ công nghệ sản xuất - kinh doanh) thì cần xác định tỷ trọng điểm và điểm của từng mức cụ thể.

Ví dụ: Xác định tỷ trọng điểm và điểm của từng chỉ tiêu đối với doanh nghiệp thuộc ngành cơ khí có thể như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ trọng điểm (%)	Điểm tối đa (điểm)